

Số: 31 /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 141/TTr-SLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Mức trợ giúp xã hội:

a) Mức trợ giúp xã hội: Thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ. Thời gian thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

b) Ngoài mức trợ giúp xã hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thêm 180.000 đồng/người/tháng và tiếp tục được hưởng mức hỗ trợ nêu trên trong thời gian 36 tháng kể từ khi cơ quan có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

Chính sách hỗ trợ thêm quy định tại điểm này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và được thực hiện thường xuyên, hằng tháng cùng thời điểm chi trả trợ cấp hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội. Phương thức chi trả chính sách hỗ trợ tại điểm này thực hiện theo phương thức chi trả hiện hành được cấp thẩm quyền quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.”

3. Bãi bỏ khoản 4 Điều 1.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của phân cấp ngân sách hiện hành.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 như sau:

“6. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành của các Bộ, ngành Trung ương.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối với mức trợ giúp xã hội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Đối với mức trợ giúp xã hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này thực hiện như sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan hướng dẫn các UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện; tổ chức kiểm tra và giám sát các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời và hiệu quả.

b) Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trình cấp thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí hằng năm từ nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện chính sách;

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Rà soát, lập danh sách, hướng dẫn đối tượng đủ điều kiện lập hồ sơ hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định;

- Thực hiện thẩm định, ban hành quyết định trợ cấp cho từng đối tượng; bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này; tổ chức chi trả kịp thời, đúng quy định;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Thông báo nội dung quyết định này trên các phương tiện thông tin của xã, phường, thị trấn và các hình thức tuyên truyền khác để nhân dân, đối tượng được biết, thực hiện chính sách;

- Ban hành quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn để làm cơ sở xác định đối tượng thực hiện chính sách;

- Thường xuyên theo dõi biến động của đối tượng; công khai danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách tại trụ sở UBND cấp xã;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp huyện theo quy định.

e) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp công tác tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động-TB&XH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban VHXX-HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, K20.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang